

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/ DS -ST
Ngày: 26/8/2025
*V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thanh Loan

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Tâm và ông Trần Gia Phụng

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Tùng Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ.

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ tham gia phiên
tòa:* bà Nguyễn Phương Thúy - kiểm sát viên

Ngày 26/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ xét xử sơ
thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2025/TLST- DS ngày 09 tháng 7 năm
2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 13/2025/QĐST - DS ngày 08 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Hoài T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khu A, xã Đ, (khu A, xã K, huyện T cũ) tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu A, phường P, (khu A, xã P, thị xã P cũ) tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Lê Thị
Hoài T (Nguyên đơn) trình bày:***

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 30/2/2014, bà Lê Thị Hoài T có cho bà
Đỗ Thị L vay số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn); thời hạn vay là
03 tháng. Đến hạn trả tiền, bà Đỗ Thị L không trả nợ. Từ đó đến nay, bà đã nhiều
lần đòi bà L nhưng bà L không trả. Quá trình giải quyết vụ án, bà T đề nghị Tòa án
buộc bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc là 20.000.000đ và tiền lãi phát
sinh. Tại phiên tòa, bà đề nghị bà L phải có nghĩa vụ trả cho bà tiền nợ gốc, bà
không yêu cầu phải trả lãi do bà không có tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh hai
bên có thỏa thuận về lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đỗ Thị L (Bị đơn) trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, bà Đỗ Thị L có vay bà Lê Thị Hoài T số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn). Bà chỉ vay của bà T một lần với số tiền là 20.000.000đ như tại giấy vay tiền ghi ngày 30/02/2014, ngoài ra không còn vay nợ bà Thanh khoản tiền nào khác. Bà không nhớ chính xác ngày vay tiền của bà T vào thời điểm nào, chỉ nhớ khi vay có viết giấy cho bà T như tài liệu bà T đã xuất trình tại Tòa án. Bà T cho bà vay không có lãi. Bà L và bà T cũng không thỏa thuận gì về lãi. Nếu bà T yêu cầu trả lãi bà không nhất trí vì không có thỏa thuận gì về lãi. Bà L chỉ nhất trí trả 20.000.000đ tiền gốc và đề nghị được trả dần hàng tháng, mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi trả nợ xong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoài T, buộc bà Đỗ Thị L phải trả số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn) cho bà Lê Thị Hoài T.

- Về lãi suất: tại phiên tòa, bà T tự nguyện không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Đỗ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1.] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị Hoài T khởi kiện bà Đỗ Thị L yêu cầu bà Đỗ Thị L trả số tiền đã vay là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn); Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự, Khoản 3 Điều 26 bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn (bà L) có nơi cư trú tại phường P, tỉnh Phú Thọ; Căn cứ vào 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

[1.3] Thủ tục tố tụng tại phiên tòa: chị Đỗ Thị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Đối với yêu cầu khởi kiện, phạm vi khởi kiện của bà Lê Thị Hoài T đối với bà Đỗ Thị L, đề nghị trả nợ khoản tiền vay còn nợ là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn), Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về khoản tiền nợ gốc: Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị Hoài T và bà Đỗ Thị L đều xác định, thừa nhận: bà T có cho bà L vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn). Khi vay, bà L có viết giấy vay tiền đề ngày 30/02/2014, thời hạn vay 03 tháng. Trên giấy vay tiền có chữ ký của người cho vay là bà Lê Thị Hoài T và người vay là bà Đỗ Thị L. Giấy vay tiền được bà T giữ và đã cung cấp cho Tòa án. Mặc dù trong lịch vạn niên không có ngày 30/02/2014, tuy nhiên bà L thừa nhận việc vay, nhận tiền và có viết giấy vay tiền như tài liệu của bà T xuất trình. Do vậy, đã phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên kể từ ngày hợp đồng vay tài sản được xác lập. Sau khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày bà L vay tiền, bà L không trả nợ cho bà T mặc dù bà T đã nhiều lần yêu cầu nhưng đến nay bà L vẫn chưa trả nợ. Đây là sự kiện pháp lý không phải chứng minh do hai bên đều đã thừa nhận.

Bà L đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu của Bà T về việc buộc bà L phải trả số tiền nợ 20.000.000đ là có căn cứ, cần được chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, bà L có quan điểm đề nghị được trả dần số tiền nợ, mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi trả hết nợ nhưng đề nghị này không được bà T đồng ý, do đó không có căn cứ để chấp nhận đề nghị của bà L.

[2.2]. Đối với tiền lãi: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu bà L phải có nghĩa vụ trả lãi phát sinh của khoản vay. Tại phiên tòa, bà T tự nguyện không đề nghị bà L phải trả tiền lãi của khoản vay. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp pháp luật nên cần chấp nhận.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Hoài T yêu cầu bà Đỗ Thị L trả số tiền đã vay.

2. Buộc bà Đỗ Thị L phải trả cho bà Lê Thị Hoài T số tiền nợ là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn) theo giấy vay tiền ghi ngày 30/02/2014.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị L phải chịu 1.000.000đ (Một triệu đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0000077 ngày 09/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, VKSND khu vực 2;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- TAND tỉnh Phú Thọ
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hà Thanh Loan